

Bản án số: 176/2024/HS-ST
Ngày: 11 - 7 - 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Sơn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Phạm Văn Tuyên

2/ Ông Nguyễn Thanh Bình

Thư ký phiên tòa: Bà Châu Nguyễn Thanh Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thu Hằng – Kiểm sát viên.

Trong ngày 11 tháng 7 năm 2024, tại Phòng xét xử hình sự thuộc Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 196/2024/TLST - HS ngày 17/6/2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 176/2024/QĐXXST – HS ngày 20/6/2024 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Võ Hữu N, sinh năm 1990, tại Thành phố Hồ Chí Minh; giới tính: Nam; hộ khẩu thường trú: Không nơi đăng ký hộ khẩu thường trú; chỗ ở: Không nơi cư trú nhất định; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 6/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; Họ và tên cha: Võ Hữu H; họ và tên mẹ: Phạm Thị Hoàng N1; hoàn cảnh gia đình: Bị cáo sống như vợ chồng với bà Phạm Thị Tuyết M, có 01 người con sinh năm 2023.

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân:

Ngày 19/3/2007, bị cáo bị Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 01 năm 6 tháng tù về tội “Cướp giật tài sản” theo Bản án số 18/2007/HSST. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 11/02/2008 theo Công văn số 541/TGCC(Đ3) ngày 12/4/2024 của Trại giam Cây Cầy (Cục C10). Qua xác minh, Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh không có thông tin về bản án và việc thi hành án dân sự của Võ Hữu N.

Ngày 29/5/2009, bị cáo bị Tòa án nhân dân Quận 8 xử phạt 05 năm tù về tội “Cướp giật tài sản” theo Bản án số 196/2009/HSST. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 02/02/2013, theo Công văn số 81/TGXL-HS ngày 19/4/2024 của Trại giam Xuân Lộc (Cục C10). Đóng án phí ngày 06/7/2009, theo Công văn số 1192/CCTHADS ngày 10/4/2024 của Chi cục Thi hành án Dân sự Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 29/4/2014, bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An xử phạt 07 năm tù về tội “Cướp giật tài sản” theo Bản án số 42/2014/HSST. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 28/8/2019, theo Công văn số 128/TGPH(HS) ngày 14/4/2024 của Trại giam Phước Hòa. Đóng án phí ngày 21/7/2014, theo Công văn số 279/CV-CCTHADS ngày 09/4/2024 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Bến Lức, tỉnh Long An.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ, tạm giam từ ngày 04/01/2024 (có mặt).

2. Họ và tên: Lê Ng, sinh năm 1996, tại Thành phố Hồ Chí Minh; giới tính: Nam; hộ khẩu thường trú: 4 LE, D, Phường M, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh; chỗ ở: Không nơi cư trú nhất định; nghề nghiệp: Thợ hàn; trình độ học vấn: 9/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; Họ và tên cha: Lê Thanh D; họ và tên mẹ: Dư Thị P; hoàn cảnh gia đình: Bị cáo chưa có vợ, con.

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 11/5/2016, bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh ra Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc với thời hạn 21 tháng, theo số 195/2016/QĐ-TA. Chấp hành xong Quyết định ngày 23/8/2017, theo Giấy chứng nhận số 65/GCN-TTPB của Trung tâm Giáo dục Lao động Xã hội Phước Bình.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ, tạm giam từ ngày 04/01/2024 (có mặt).

Bị hại: Bà Đặng Thị Cẩm L, sinh năm 2002 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Số M đường số N, xã B, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1/ Ông Lưu Triệu Tuấn K, sinh năm 1983 (vắng mặt)

Nơi cư trú: 13 NTT, Phường H, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

2/ Bà Nguyễn Thị N2, sinh năm: 1981 (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

Nơi cư trú: 64 BH, Phường T, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

3/ Bà Phạm Thị Tuyết M, sinh năm 1991 (vắng mặt)

Nơi cư trú: C3 ấp BB, xã B, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Võ Hữu N và Lê Ng có mối quan hệ là bạn bè quen biết ngoài xã hội. Khoảng 01 giờ ngày 29/12/2023, N điện thoại rủ Ng đi cướp giật tài sản bán lấy tiền chia nhau tiêu xài, Ng đồng ý. Ng điều khiển xe mô tô biển số 59Z1-322.80 đến nhà trọ của N địa chỉ C19/13, ấp 4B, xã Bình Hưng, huyện Bình Chánh chờ N đi lòng vòng qua nhiều tuyến đường tìm tài sản cướp giật. Đến khoảng 02 giờ 30 phút cùng ngày, khi đến trước Ngân hàng BIDV địa chỉ 349-351 Phạm Hùng, ấp 4A, xã Bình Hưng, huyện Bình Chánh thì N phát hiện bà Đặng Thị Cẩm L đang ngồi uống nước cùng ông Trần Anh T, trên tay bà L cầm chiếc điện thoại di động hiệu Iphone 15 Promax nên N chỉ cho Ng thấy, cả hai thống nhất quyết định cướp giật chiếc điện thoại này. Lúc này, do đã điều khiển qua khỏi chỗ bà L ngồi nên Ng quay xe chạy theo chiều ngược lại và dừng xe cách chỗ bà L ngồi khoảng 25 mét. Ng ngồi trên xe, để xe nổ máy và cảnh giới; còn N xuống xe đi bộ lại trụ ATM phía sau lưng bà L và ông T. Lợi dụng lúc bà L đang bấm điện thoại, N tiếp cận dùng tay trái giật được chiếc điện thoại trên tay bà L rồi chạy bộ đến vị trí Ng đang dừng xe chờ để Ng chở N nhanh chóng tăng ga tẩu thoát.

Ng chở N đến gần tiệm game trên đường Phạm Thế Hiển thuộc Quận 8 thì N xuống xe kêu Ng đi về và hẹn Ng đến sáng sẽ cùng nhau đi bán điện thoại. N tháo sim và ốp lưng của chiếc điện thoại di động hiệu Iphone 15 Promax ra rồi vứt bỏ cùng với chiếc nón bảo hiểm của N đang đội trên đầu ven đường rồi về nhà trọ. Khoảng 08 giờ cùng ngày, Ng điều khiển xe mô tô biển số 59Z1-322.80 đến nhà trọ rủ N đi bán điện thoại. Lúc này, do nhà trọ của N có Phạm Thị Tuyết M (sống chung như vợ chồng với N) nên N nói dối với M là N cùng với Ng đi sửa điện thoại thì M kêu N mượn xe của Ng chở M đi để sửa điện thoại của M, còn Ng ở lại chờ tại nhà trọ của N.

Sau đó, N điều khiển xe chở M đến tiệm điện thoại K Dg địa chỉ: 109/33 Nguyễn Thiện Thuật, Phường 2, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh do ông Lưu Triệu Tuấn K làm chủ. Đến nơi, M đứng ngoài đường giữ xe, còn N vào tiệm bán điện thoại cho ông K với giá 15.000.000 đồng. Theo yêu cầu của N, ông K chuyển khoản vào tài khoản Ngân hàng của M số tiền 14.000.000 đồng, chuyển vào tài khoản Ngân hàng của Nguyễn Thị Na số tiền 1.000.000 đồng để trả nợ cho chị Na. Xong N chở Mai quay về nhà trọ. Tại đây, N nói với Ng bán điện thoại được 12.000.000 đồng, N dùng tài khoản của M chuyển khoản vào tài khoản Ngân hàng của Ng số tiền 5.650.000 đồng và đưa thêm cho Ng 350.000 đồng, Ng đã tiêu xài hết số tiền trên.

Đối với số tiền 8.000.000 đồng còn lại, N chuyển khoản trả nợ tiếp vào tài khoản Ngân hàng của Nguyễn Thị Na số tiền 5.700.000 đồng, còn lại 2.300.000 đồng N đã tiêu xài cá nhân hết.

Sau khi bị cướp giật điện thoại di động, đến chiều ngày 29/12/2023, chị L đến trình báo Công an xã Bình Hưng tiến hành truy xét mời được Võ Hữu N và Lê Ng về làm việc, lập hồ sơ chuyển đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bình Chánh điều tra, xử lý.

Kết luận định giá tài sản số 180/KL-HĐĐGTS ngày 10/01/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự huyện Bình Chánh xác định chiếc điện thoại di động hiệu Iphone 15 Promax 256GB trị giá 31.150.500 đồng.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bình Chánh, Võ Hữu N và Lê Ng đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội chiếm đoạt chiếc điện thoại di động hiệu Iphone 15 Promax 256GB của bà Đặng Thị Cẩm L như đã nêu trên, lời khai của N và Ng phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của bị hại, người liên quan và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Vật chứng thu giữ của vụ án:

- 01 USB hiệu Toshiba 2GB màu trắng xanh chứa video ghi nhận hình ảnh vụ cướp giật tài sản. Số tiền 6.700.000 đồng do Nguyễn Thị Na tự nguyện giao nộp; 01 điện thoại di động hiệu Iphone 15 Promax 256GB, số Imei1: 356616947878610, số Imei2: 356616947941236 cùng phiếu mua điện thoại và hộp đựng điện thoại.

- 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu đen, số seri1: 356613728465782, số Imei2: 356613729465781 thu giữ của Võ Hữu N; 01 điện thoại di động hiệu Redmi màu xanh trắng, số Imei1: 862625056472260, số Imei2: 862625056472278 thu giữ của Lê Ng; 01 xe mô tô hiệu Honda Blade biển số 59Z1-322.80, số khung RLHJA3655GY 009973, số máy JA36E0435382 do Lê Ng đứng tên chủ sở hữu; 01 cái nón bảo hiểm nửa đầu màu xanh; 01 cái áo khoác màu xanh đen có chữ Gojek, 01 quần jean màu xanh; 01 đôi dép màu trắng, quai xanh có chữ Adidas thu giữ của Lê Ng; 01 áo thun ngắn tay có cổ màu đen có chữ Dior; 01 quần jean lưng màu xanh; 01 đôi dép màu đen thu giữ của Võ Hữu N.

Tại bản Cáo trạng số 193/CT – VKS - BC ngày 06 tháng 6 năm 2024, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố các bị cáo Võ Hữu N, Lê Ng về tội "Cướp giật tài sản" theo Khoản 1 Điều 171 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa các bị cáo Võ Hữu N, Lê Ng đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình giống như lời khai tại Cơ quan điều tra và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Đồng thời thừa nhận hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung bản Cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh truy tố các bị cáo. Các bị cáo không tranh luận, lời nói sau cùng các bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố sau khi nêu tóm tắt nội dung vụ án, phân tích tính chất của vụ án những tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ và vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố, đề nghị:

Xử phạt bị cáo Võ Hữu N từ 04 năm đến 04 năm 06 tháng tù về tội "Cướp giật tài sản" theo Khoản 1 Điều 171 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Lê Ng từ 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù về tội “Cướp giật tài sản” theo Khoản 1 Điều 171 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và xử lý vật chứng theo quy định.

Bị hại Dương Thị Cẩm L vắng mặt, lời khai cùng các chứng cứ, tài liệu thu thập có trong hồ sơ vụ án thể hiện bà L đã nhận lại tài sản chiếm đoạt và không yêu cầu gì về dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Bình Chánh, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Tại các bản tự khai, biên bản ghi lời khai, các bị cáo trình bày lời khai hoàn toàn tự nguyện, không bị ép cung, nhục hình. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận tội của các bị cáo Võ Hữu N, Lê Ng tại tòa là phù hợp với nhau; phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra (BL: 242 – 258, 276 – 297); phù hợp với lời khai của bị hại bà Đặng Thị Cẩm L (BL: 195 – 205); phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án ông Lưu Triệu Tuấn K, bà Nguyễn Thị Na, bà Phạm Thị Tuyết M (BL: 210 – 217, 222 – 226, 231 - 235) phù hợp với các chứng cứ, tài liệu thu thập có trong hồ sơ vụ án. Vụ án còn được chứng minh qua hoạt động điều tra như Biên bản lấy lời khai, Bản ảnh hiện trường; thu giữ vật chứng, kết quả định giá tài sản, cùng các chứng cứ tài liệu thu thập có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Vào khoảng 02 giờ 30 ngày 29/12/2023, các bị cáo Võ Hữu N, Lê Ng có hành vi cướp giật 01 điện thoại di động hiệu Iphone 15 Promax 256GB có giá trị 31.150.000 đồng của của bà Đặng Thị Cẩm L trước địa chỉ 349 – 351 Phạm Hùng, ấp 4A, xã Bình Hưng, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh (Theo kết quả định giá tài sản số 180/KL-HĐĐGTS ngày 10/01/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự huyện Bình Chánh) rồi nhanh chóng tẩu thoát. Sau đó các bị cáo mang điện thoại đi bán được 15.000.000 đồng chia nhau tiêu xài các nhân hết, qua truy xét mới bắt giữ được các bị cáo.

Với những tình tiết được chứng minh trên, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận các bị cáo Võ Hữu N, Lê Ng đã phạm tội “Cướp giật tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại Khoản 1 Điều 171 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); nên Cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh đã truy tố các bị cáo với tội danh nêu trên là đúng người, đúng tội.

[3] Tội phạm các bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội, không chỉ xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ

mà còn ảnh hưởng đến an ninh, trật tự xã hội tại địa phương. Các bị cáo phạm tội với lỗi cố ý, mục đích phạm tội là muốn có tiền tiêu xài cho bản thân mà không chịu bỏ công sức ra lao động chân chính. Khi thực hiện hành vi phạm tội các bị cáo nhận thức được việc làm của mình là sai trái, là vi phạm pháp luật nhưng bản tính tham lam, biếng lười lao động, muốn có tiền tiêu xài cho bản thân nên đã cố ý phạm tội. Do đó, khi lượng hình cần buộc các bị cáo phải tiếp tục chấp hành hình phạt tù có thời hạn một thời gian thì mới có tác dụng giáo dục, răn đe, phòng ngừa chung.

[4] Đây là vụ án có đồng phạm nhưng mang tính chất giản đơn, không có sự phân công, cấu kết chặt chẽ nên không thuộc trường hợp phạm tội có tổ chức. Xét vai trò, hành vi phạm tội thì bị cáo N giữ vai trò chính, chủ mưu, rủ rê là trực tiếp giết điện thoại. Bị cáo Ng là đồng phạm giúp sức tích cực khi được bị cáo N rủ đi cướp giật là đồng ý ngay, dùng xe của mình làm phương tiện chở bị cáo N đi tìm người có tài sản để cướp giật, làm nhiệm vụ cảnh giới; bị cáo N hưởng lợi nhiều hơn bị cáo Ng. Do đó, khi lượng hình mức án của bị cáo N sẽ cao hơn bị cáo Ng là phù hợp với vai trò, tính chất, mức độ phạm tội của từng bị cáo.

[5] Về nhân thân của các bị cáo: Các bị cáo đều có nhân thân xấu, bị cáo N đã 03 lần bị kết án về tội “Cướp giật tài sản”; bị cáo Ng 01 lần đưa đi cai nghiện bắt buộc, cụ thể:

Đối với bị cáo N: Ngày 19/3/2007, bị cáo bị Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 01 năm 6 tháng tù về tội “Cướp giật tài sản” theo Bản án số 18/2007/HSST. Ngày 29/5/2009, bị cáo bị Tòa án nhân dân Quận 8 xử phạt 05 năm tù về tội “Cướp giật tài sản” theo Bản án số 196/2009/HSST. Ngày 29/4/2014, bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An xử phạt 07 năm tù về tội “Cướp giật tài sản” theo Bản án số 42/2014/HSST.

Đối với bị cáo Ng: Ngày 11/5/2016, bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh ra Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc với thời hạn 21 tháng, theo số 195/2016/QĐ-TA.

Do đó, khi lượng hình Hội đồng xét xử lưu ý đến nhân thân của từng bị cáo mà có mức án nghiêm khắc.

[6] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, Hội đồng xét xử áp dụng điểm s Khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) giảm nhẹ cho các bị cáo một phần hình phạt.

[7] Đối với bà Phạm Thị Tuyết M là người sống như vợ chồng với bị cáo N: Qua điều tra xác định, khi bị cáo N chở bà M đi bán điện thoại bà đứng ở ngoài vì bị cáo N nói vào sửa điện thoại, giữa bà M và bị cáo N sử dụng chung một tài khoản ngân hàng, bà M không biết việc bị cáo N chở bà đi bán điện thoại đi động hiệu Iphone 15 Promax 256GB là tài sản do phạm tội mà có nên Cơ

quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bình Chánh không xem xét xử lý, Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[8] Đối với ông Lưu Triệu Tuấn K là người mua điện thoại di động hiệu Iphone 15 Promax 256GB của bị cáo N mang đến bán nhưng ông không biết đây là tài sản do phạm tội mà có nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bình Chánh không xem xét xử lý, Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[9] Đối với bà Nguyễn Thị Na không biết số tiền 6.700.000 đồng do bị cáo N chuyển khoản để trả nợ là tài sản do phạm tội mà có nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bình Chánh không xem xét xử lý, Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[10] Xử lý vật chứng của vụ án:

Đối với 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu đen, số sêri: 356613728465782, số Imei2: 356613729465781 thu giữ của bị cáo N; 01 điện thoại di động hiệu Redmi màu xanh trắng, số Imei1: 862625056472260, số Imei2: 862625056472278 thu giữ của bị cáo Ng; 01 xe mô tô hiệu Honda Blade biển số 59Z1-322.80, số khung RLHJA3655GY 009973, số máy JA36E0435382 do bị cáo Lê Ng đứng tên chủ sở hữu. Các tài sản trên thuộc quyền sở hữu của các bị cáo nhưng các bị cáo dùng làm công cụ, phương tiện phạm tội, Hội đồng xét xử không xét trả cho các bị cáo mà tuyên tịch thu nộp vào ngân sách Nhà nước theo điểm a Khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự là phù hợp.

Đối với 01 cái nón bảo hiểm nửa đầu màu xanh; 01 cái áo khoác màu xanh đen có chữ Gojek, 01 quần jean màu xanh; 01 đôi dép màu trắng, quai xanh có chữ Adidas thu giữ bị cáo Ng; 01 áo thun ngắn tay có cổ màu đen có chữ Dior; 01 quần jean lưng màu xanh; 01 đôi dép màu đen thu giữ của bị cáo N. Đây là quần áo tư trang của các bị cáo nhưng các bị cáo từ chối nhận lại, xét các đồ vật trên không còn giá trị sử dụng nên tuyên tịch thu tiêu hủy là phù hợp.

Đối với 01 USB hiệu Toshiba 2GB màu trắng xanh chứa video ghi nhận hình ảnh vụ cướp giật tài sản, sẽ tiếp tục lưu giữ cùng hồ sơ vụ án.

Đối với số tiền 6.700.000 đồng do bà Nguyễn Thị Na tự nguyện giao nộp, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã làm thủ tục giao trả lại cho ông Lưu Triệu Tuấn K.

Đối với 01 điện thoại di động hiệu Iphone 15 Promax 256GB, số Imei1: 356616947878610, số Imei2: 356616947941236 cùng phiếu mua điện thoại và hộp đựng điện thoại, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trao trả cho bị hại là bà Đặng Thị Cẩm L.

[11] Về dân sự:

Bị hại Đặng Thị Cẩm L đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt và không yêu cầu gì về dân sự nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

Đối với ông Lưu Triệu Tuấn K đã nhận lại 6.700.000 đồng, ông không yêu cầu các bị cáo bồi thường số tiền còn lại mà ông đã trả để mua điện thoại của bị cáo N, Hội đồng xét xử không xét giải quyết.

[12] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 171; điểm s Khoản 1 Điều 51; Điều 17, Điều 38, Điều 50 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo Võ Hữu N.

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 171; điểm s Khoản 1 Điều 51; Điều 17, Điều 38, Điều 50 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo Lê Ng.

Căn cứ vào điểm a Khoản 2 Điều 106; Điều 331, Điều 332, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Căn cứ vào Khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử phạt bị cáo Võ Hữu N 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Cướp giật tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày 04/01/2024.

Xử phạt bị cáo Lê Ng 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Cướp giật tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày 04/01/2024.

Về vật chứng:

Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu đen, số seri1: 356613728465782, số Imei2: 356613729465781 thu giữ của bị cáo N; 01 điện thoại di động hiệu Redmi màu xanh trắng, số Imei1: 862625056472260, số Imei2: 862625056472278 thu giữ của bị cáo Ng; 01 xe mô tô hiệu Honda Blade biển số 59Z1-322.80, số khung RLHJA3655GY 009973, số máy JA36E0435382.

Tịch thu tiêu hủy 01 cái nón bảo hiểm nửa đầu màu xanh; 01 cái áo khoác màu xanh đen có chữ Gojek, 01 quần jean màu xanh; 01 đôi dép màu trắng, quai xanh có chữ Adidas thu giữ bị cáo Ng; 01 áo thun ngắn tay có cổ màu đen có chữ Dior; 01 quần jean lửng màu xanh; 01 đôi dép màu đen.

(các vật chứng trên hiện đang tạm giữ tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Bình Chánh theo Biên bản giao nhận đồ vật, tài liệu, vật chứng được lập vào hồi 14 giờ 15 phút ngày 13/6/2024 giữa Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Bình Chánh và Công an huyện Bình Chánh).

Về án phí: Buộc mỗi bị cáo chịu 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Các bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn là 15 (mười lăm) ngày tính kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, tính từ ngày nhận bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND TP. HCM;
- VKSND TP. HCM;
- VKSND H.BC;
- CA H. BC;
- Chi cục THADS H.BC;
- Sở Tư pháp, TP. HCM;
- Phòng hồ sơ, CA TP. HCM PV06;
- Trại tạm giam đang giam, giữ bị cáo;
- Bị cáo;
- Đương sự;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG
XÉT XỬ SƠ
THẨM
THẨM PHÁN –
CHỦ TOẠ PHIÊN
TOÀ**

2AAKKBO*1αβχαχ+ Nguyễn Hoàng Sơn